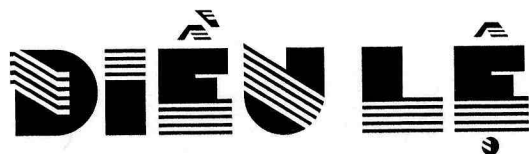


**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN
SAIGONATR**



**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN
SAIGONART**

TP.Hồ Chí Minh Tháng 02 năm 2006

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN

☆ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật Doanh nghiệp Nhà Nước số 14/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/06/1999, có hiệu lực từ ngày 01/01/2000.

Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần.

Căn cứ Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Căn cứ công văn số 1191/UB-TM ngày 28/2/2005 của UBND TP.HCM về việc hướng dẫn quy trình cổ phần hóa DNNN năm 2005.

Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-UB ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM về việc thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Doanh nghiệp của các Công ty Nhà nước thuộc Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn.

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-VHSG ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn về việc thành lập tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp

Hôm nay, ngày 23 tháng 02 năm 2006, Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thành lập Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sài Gòn, đã nhất trí tán thành nội dung của Bản điều lệ và cùng cam kết thực hiện những Quy định trong bản điều lệ này.

Bản điều lệ này sẽ có hiệu lực chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời mặc nhiên có hiệu lực chấp hành đối với bất cứ ai tham gia vào Công ty sau này.

Ngày 3/4/2006 - trang 1/1

CHƯƠNG I: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công ty, Trụ sở và hình thức.

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SÀI GÒN.
 - Tên viết tắt: SAIGONART
 - Tên tiếng Anh: SAIGON ART JOINT STOCK COMPANY
2. Trụ sở Công ty:
 - Địa chỉ : số 160 Pasteur, Quận I, TP.HCM
 - Trụ sở chính: Số 160 Pasteur, Quận I, Tp.HCM.
 - Tel: 08.8293 952 - 08.225 224
 - Fax: 08.8294 913
 - Email: mythuat@hcm.vnn.vn

Trong quá trình hoạt động, tùy theo nhu cầu giao dịch và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thay đổi vị trí trụ sở chính; mở thêm các Công ty con, các chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu mối giao dịch trong và ngoài nước sẽ do HĐQT quyết định theo thủ tục Luật định, thực hiện việc thông báo theo quy định tại Điều lệ này hoặc trong quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đồng thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất.

3. Hình thức:

Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sài Gòn là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà Nước số 14/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ V, từ ngày 04 tháng 05 đến ngày 12 tháng 06 năm 1999 thông qua, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Điều 2 : Tư cách pháp nhân - thời hạn hoạt động.

1. Tư cách pháp nhân.

Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sài Gòn là Doanh nghiệp:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo Quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo Quy định của Pháp luật.
- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.



Ngày 3/1/2006 - trang 2/2



- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

- Có Bảng cân đối kế toán riêng, được lập các Quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà Nước số 14/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ trong phạm vi góp vốn để mua cổ phần của Công ty.

2. Thời hạn hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần là lâu dài. Việc chấm dứt thời gian hoạt động của Công ty do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định và thực hiện theo Điều 111, 112, và 113 của Luật Doanh nghiệp, Điều 56 và Điều 58 của Điều lệ này.

Điều 3 : Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Mục tiêu.

Mục tiêu của Công ty là hoạt động và phát triển trong các lĩnh vực phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh. Công ty có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được mục đích tối đa hóa lợi nhuận, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

2. Phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh

Phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm (không phải giới hạn) những nội dung sau :

2.1) Ngành nghề kinh doanh hiện tại:

- Sản xuất, kinh doanh hàng sơn mài, gốm men mỹ thuật và hàng mỹ nghệ các loại.

- Gia công, sản xuất, kinh doanh đá mỹ nghệ, đá quý thành đồ trang sức, trang trí.

- Kinh doanh dịch vụ trang trí mỹ thuật-mỹ nghệ và xuất nhập khẩu trực tiếp theo giấy phép của Bộ Thương mại, phục vụ nhu cầu SXKD đơn vị.

- Mua bán sản phẩm kim loại mạ, tác phẩm nghệ thuật, cây trồng, hoa trang trí, giấy các loại.

- Mua bán các loại đĩa, băng trắng, mực in, sơn, hóa chất màu, vải, rượu, bia, dầu xoa, tinh dầu, mỹ phẩm.

- Mua bán máy móc thiết bị điện gia dụng, hàng tiểu thủ công nghiệp.

Ngày 3/1/2006 - trang 3/3

- Đại lý vé máy bay.
- Xây dựng công trình văn hóa.

2.2) Ngành nghề kinh doanh đề nghị bổ sung cho Công ty cổ phần:

- Sản xuất, mua bán gốm sứ mỹ thuật.
- In ấn, phát hành tranh ảnh Mỹ thuật các loại.
- Sản xuất trình chiếu phim ảnh trong và ngoài nước.
- Đầu tư, mở rộng các khu du lịch, giải trí.
- Đầu tư, xây dựng vật kiến trúc, nhà cửa dân dụng.
- Xây dựng, kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn, sử dụng các nguồn tài chính.
- Dịch vụ cho thuê nhà ở, nhà kho, xưởng, văn phòng kinh doanh.
- Đầu tư, xây dựng trại sáng tác, phòng tranh, phòng trưng bày, tổ chức triển lãm mỹ thuật, biểu diễn nghệ thuật.

Trong quá trình phát triển, Công ty có thể mở rộng phạm vi hoạt động sang các ngành nghề khác hoặc thay đổi ngành nghề, liên kết, liên doanh và hợp tác với các Doanh nghiệp trong và ngoài nước để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường phù hợp với Quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty.

- Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật.
- Quyết định cao nhất của Công ty là Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).
- HĐQT bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để quản trị Công ty, bầu Ban Kiểm soát (BKS) để kiểm soát mọi hoạt động của Công ty.
- Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

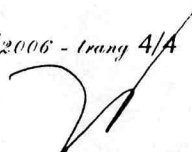
Điều 5: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các Tổ chức Chính trị khác trong Công ty.

Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam trong Doanh nghiệp hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và các Quy định của Đảng Cộng Sản Việt Nam; Công Đoàn và các Tổ chức Chính trị Xã hội khác trong doanh nghiệp hoạt động theo Hiến Pháp và Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó.

CHƯƠNG II : QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY



Ngày 3/1/2006 - trang 4/4



Mục 1 : QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 6: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp vốn, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty.
3. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.
4. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
5. Đặt chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, nước ngoài theo quy định của Pháp luật.
6. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, công nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các Quy định của Nhà nước.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.
8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, danh hiệu, thương hiệu, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
9. Đầu tư, liên doanh liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của Doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh.
10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo Quy định của Bộ Luật lao động và các Quy định khác của Pháp luật.
11. Thực hiện các hoạt động và kinh doanh những ngành nghề mà Pháp luật không cấm.

Điều 7: Quyền quản lý tài chính của Công ty.



Ngày 3/1/2006 - trang 5/5



1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.
2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
3. Tham gia hoạt động đầu tư tài chính.
4. Tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, có thể huy động vốn bằng cách phát hành các loại cổ phiếu, trái phiếu theo Quy định của Pháp luật.
5. Được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất riêng hoặc gắn liền với tài sản để vay vốn kinh doanh theo Quy định của Pháp luật.
6. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo Quy định của Nhà nước và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
7. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển DNNN thành Công ty Cổ phần theo Quy định của Pháp luật.

Mục 2 : NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.

Điều 8: Nghĩa vụ tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước các khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
3. Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo Quy định của Bộ Luật Lao động, quan hệ với người lao động bằng thỏa ước lao động tập thể, ưu tiên sử dụng lao động trong nước và quan tâm đến lợi ích của người lao động.
5. Thực hiện các quy định của Pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh Quốc gia và công tác PCCC.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán; báo cáo định kỳ và báo cáo bất thường theo quy định của Nhà nước và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
7. Tuân thủ các quy định về kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG III : VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Mục 1: VỐN

Điều 9: Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn).

Ngoại trừ có quyết nghị khác của ĐHĐCĐ, vốn góp vào công ty được tính trên cơ sở Đồng Việt Nam hoặc quy ra đồng Việt Nam.

Việc tăng giảm vốn điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định và làm các thủ tục pháp lý tại Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố quyết định.

2. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh sau:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.

- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

3. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác, không trái Luật pháp).

Mục 2 : CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 10: Cổ phần.

1. Vốn điều lệ Công ty tại thời điểm thành lập được chia thành 100.000 cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần trị giá 10.000 đ (mười nghìn đồng) được gọi là mệnh giá cổ phần.

2. Cơ cấu vốn phân chia theo sở hữu khi thành lập Công ty.

- Cổ phần nhà nước: 10% vốn điều lệ thành tiền là: 100.000.000 đ, tương đương: 10.000 cổ phần.

- Cổ phần giá ưu đãi của người lao động trong doanh nghiệp: 61,20% thành tiền là: 612.000.000 đ, tương đương 61.200 cổ phần.

- Cổ phần của cổ đông bán đấu giá công khai: 28,80% thành tiền là: 288.000.000 đ, tương đương 28.800 cổ phần.

3. Công ty phát hành cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi:

Ngày 3/1/2006 - trang 7/7

- Cổ phần phổ thông được hưởng cổ tức căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do HĐQT và các cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Cổ phần ưu đãi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà Nước số 14/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Luật Doanh nghiệp và theo các quy định hiện hành.

Điều 11: Cổ phiếu.

1. Cổ phiếu do Công ty phát hành theo phương thức bút toán ghi sổ xác nhận quyền cổ đông được sở hữu số cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông của Công ty sẽ được cấp một Giấy Chứng Nhận Cổ Đông có xác nhận số cổ phần cổ đông được sở hữu. Giấy chứng nhận này cũng là chứng từ làm cơ sở để thực hiện các thủ tục và bút toán chuyển nhượng cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời gian công ty chưa thực hiện niêm yết ở thị trường chứng khoán.

3. Trường hợp Giấy Chứng nhận Cổ Đông bị mất, bị rách, bị cháy, hoặc bị tiêu hủy dưới bất kỳ hình thức nào, cổ đông phải báo ngay cho công ty và có thể đề nghị đổi mới hoặc cấp lại Giấy Chứng nhận cổ đông, nhưng phải đủ chứng cứ theo yêu cầu của Công ty và phải trả chi phí do Công ty quy định.

4. Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện hoặc chuyển nhượng không điều kiện:

- Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện gồm có : cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước, cổ phần của các thành viên HĐQT đương nhiệm.

- Cổ phần chuyển nhượng không có điều kiện: Gồm tất cả cổ phần phổ thông thuộc sở hữu các cổ đông khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo thủ tục của Công ty hoặc theo cơ chế thị trường chứng khoán.

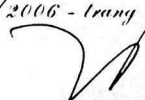
Điều 12: Chào bán, chuyển nhượng cổ phần.

1. HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần.

2. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán lần đầu khi thành lập Công ty.

b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.



c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

3. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin cần thiết theo quy định và đã hoàn tất việc bút toán vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty

4. Khi công ty đã tham gia niêm yết ở Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thì thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

5. Cổ phần của các thành viên HĐQT, trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng, trừ những hoàn cảnh đặc biệt phải được HĐQT chấp nhận. được đa số thành viên HĐQT Công ty chấp thuận.

Điều 13: Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

1. Vào thời điểm và điều kiện thích hợp, HĐQT được quyền quyết định lập thủ tục niêm yết cổ phiếu của Công ty để giao dịch trên Thị trường Chứng khoán (TTCK). Các thông tin về niêm yết phải được thông báo kịp thời trên báo chí cho cổ đông biết và có thông báo cho ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.

2. Việc chiết tách cổ phần, các quan hệ pháp lý về sở hữu, thủ tục quản lý và lưu hành cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo cơ chế TTCK.

3. Trong thời gian hiệu lực của việc niêm yết, tất cả giao dịch mua bán, giá cả được thực hiện thông qua thị trường. Hiệu lực này có ý nghĩa chi phối các khoản 1 và 2 điều 16 (về mua lại cổ phần phổ thông) của Bản Điều lệ này.

Điều 14: Thừa kế cổ phần.

1. Trường hợp Cổ đông qua đời, Công ty giải quyết quyền thừa kế sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất theo Luật Dân sự. Công ty không giải quyết các tranh chấp giữa những người thừa kế.

2. Người có thừa kế hợp pháp đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền. Trường hợp chưa xác định được người thừa kế, Công ty sẽ quản lý và xử lý theo Luật Dân sự.



Điều 15: Phát hành cổ phiếu, trái phiếu.

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được ĐHĐCĐ quyết định và ủy quyền cho HĐQT thực hiện.
2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Pháp luật và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
3. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu. Các vấn đề liên quan đến việc phát hành các loại trái phiếu do HĐQT quyết định, và không trái với quy định của Luật pháp.

Điều 16: Mua lại cổ phần.

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: (trừ trường hợp bị chi phối bởi khoản 3 điều 13 của Điều lệ này).

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ, có thể gửi văn bản yêu cầu Công ty mua lại cổ phần, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề ghi tại khoản này.

b. Công ty sẽ mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại tiết a trên đây với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có quyền yêu cầu trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo yêu cầu của Pháp luật. Chi phí cho việc này do bên thua chịu.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty : (trừ trường hợp bị chi phối bởi khoản 3 điều 13 của Điều lệ này).

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau:

a. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần phổ thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại tiết b khoản 2 Điều này.

b. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ

tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

3. Quyền quyết định việc mua lại cổ phần:

a. ĐHĐCĐ quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

b. HĐQT quyết định mua lại bằng hoặc ít hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 16 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

b. Tất cả số cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 điều 16 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

c. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Mục 3 : CỔ ĐÔNG VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.

Điều 17 : Quy định chung về Cổ đông.

1. Cổ đông sáng lập của doanh nghiệp cổ phần hóa là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:

a. Tham gia thông qua điều lệ của Công ty cổ phần.

b. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

c. Sở hữu số lượng cổ phần đảm bảo mức tối thiểu theo quy định tại điều lệ Công ty.

Số lượng cổ phần tối thiểu của mỗi cổ đông sáng lập và số lượng cổ đông sáng lập do đại hội đồng cổ đông quyết định và quy định tại điều lệ công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

Ngày 3/6/2006 - Trang 11/11

3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty.

a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân: là người đại diện của pháp nhân đó theo Pháp luật.

b. Người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân có thể ủy quyền bằng văn bản cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm Đại diện cho pháp nhân đó tại Công ty không được ủy quyền lại cho người khác.

c. Trong trường hợp một Cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ Cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì Cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người Đại diện theo Pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác, hoặc được xử lý theo Quy định của Pháp luật.

d. Cổ đông là thể nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực Pháp luật và năng lực hành vi làm Đại diện cho mình tại Công ty.

e. Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người Đại diện phải có văn bản hợp lệ gửi HĐQT của Công ty.

f. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các Cổ đông này bằng văn bản.

Điều 18 : Sổ đăng ký cổ đông.

1. HĐQT Công ty nhận và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ Ban đổi mới quản lý Doanh nghiệp Công ty Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chuyển sang. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, trụ sở Công ty.

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

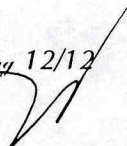
c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị cổ phần đã góp.

d. Tên Cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông sẽ thực hiện bằng hình thức tập dữ liệu lưu trữ trong máy tính và được in ra các bảng bằng giấy để phục vụ công tác quản lý và thông tin tham khảo.



Ngày 3/1/2006 - trang 12/12



3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả Cổ đông biết.

Điều 19: Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Cổ đông.

1. Quyền lợi của Cổ đông.

1.1. Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, quyền biểu quyết tương ứng với số vốn sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

1.2. Được chia cổ tức tương ứng với phần vốn cổ phần đang sở hữu theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty.

1.4. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ phần ưu đãi.

1.5. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ này và phù hợp với Luật pháp quy định.

1.6. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử người vào HĐQT và BKS.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Cổ đông.

2.1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký.

2.2. Chấp hành điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

2.3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của cổ phần phổ thông, quyết định mức cổ tức cố định của cổ phần ưu đãi cổ tức.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS.

- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty.

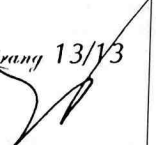
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.

- Quyết định bổ sung, sửa đổi điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều 9 và Điều 10 của bản Điều lệ này.

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.



Ngày 3/1/2006 - Trang 13/13



- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- Quyết định cho Công ty mua lại trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán.

Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2.4. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty giải thể. Trường hợp cổ đông muốn có thể mua bán, sang nhượng.

2.5. Tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình theo Pháp luật.

2.6. Cổ đông phải ghi rõ địa chỉ cho công ty lưu giữ. Khi thay đổi địa chỉ phải báo cho Công ty biết bằng văn bản.

CHƯƠNG IV : TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

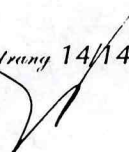
Mục 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần phổ thông.
3. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây.
 - a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của cổ phần phổ thông; quyết định mức cổ tức cố định của cổ phần ưu đãi cổ tức.
 - b. Bầu, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS.
 - c. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty.
 - d. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.
 - e. Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều 9 và điều 12 của bản Điều lệ này.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
 - g. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.



Ngày 3/1/2006 - trang 14/14



h. Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

i. Quyết định mua lại trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán.

j. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Điều lệ Công ty.

Điều 21: Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thành lập.

1. Cuộc họp của ĐHĐCĐ thành lập hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần phổ thông, theo thông báo cho phép của UBND TP.HCM.

2. ĐHĐCĐ thành lập có nhiệm vụ:

- Thảo luận và thông qua điều lệ.
- Bầu HĐQT và BKS.
- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty.
- Thông qua mức thù lao và các quyền lợi cho HĐQT và BKS.

Điều 22: Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1. ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian ba (03) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp của ĐHĐCĐ thường niên hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần phổ thông.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên:

- Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động SXKD, báo cáo của BKS.
 - Thông qua đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ.
 - Quyết định phương hướng, nhiệm vụ SX-KD và đầu tư của năm tài chính mới.
 - Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ, huy động vốn bằng cách phát hành các loại cổ phiếu và trái phiếu.
 - Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, KSV gây thiệt hại cho công ty.
- Bầu bổ sung HĐQT và KSV theo quy định của Điều lệ.

- Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của thành viên HĐQT và KSV.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 23: Cuộc họp của ĐHĐCĐ bất thường.

Cuộc họp của ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập khi Công ty có những vấn đề bất thường xảy ra, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty. Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại điều 24 của Điều lệ này.

Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

1. ĐHĐCĐ được triệu tập họp:

a. Theo quyết định của HĐQT.

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng hoặc của BKS trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại điều 46 của Điều lệ này, HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, các trường hợp khác khi cần thiết sẽ bổ sung tại Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tại điểm b khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

- Trường hợp HĐQT không triệu tập thì BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời hạn triệu tập hoặc từ chối triệu tập của HĐQT.

- Trường hợp BKS không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ.

- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chịu.

3. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách trên được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong ít nhất 14 ngày trước ngày khai mạc.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú (đối với cá nhân), tên, trụ sở (đối với tổ chức), số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 26: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1.6 Điều 19 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều 26 Điều lệ này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Những trường hợp khác bổ sung tại Điều lệ Công ty khi cần thiết.

Điều 27 : Mời họp Đại hội đồng cổ đông.

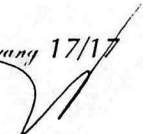
1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi giấy mời họp gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc.

2. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 28: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.



Ngày 3/1/2006 Trang 17/17



1. Cổ đông đủ điều kiện theo quy định ở khoản 1 Điều 19 được trực tiếp dự họp ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho một người khác (có thể không phải là cổ đông) dự họp.

a. Trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được Thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.

b. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần.

c. Người được ủy quyền phải trình trước cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc, không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

d. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử, tham gia đề cử theo khoản 1.6 điều 19 tại ĐHĐCĐ nhưng không được ứng cử với tư cách cá nhân.

e. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT.

Điều 29: Điều kiện, thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ.

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần phổ thông.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít hơn 30% số cổ phần phổ thông.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Bản Điều lệ này.

Điều 30: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.



Ngày 3/1/2006 - trang 18/18



2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi:

a. Được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp chấp thuận.

b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được hơn 2/3 tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời gian 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 31: Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời gian chậm nhất chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và KSV có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32: Hội Đồng Quản Trị.

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1 Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.

2.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

2.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

2.4 Quyết định phương án đầu tư.



Ngày 31/1/2006 - Trang 19/19



2.5 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

2.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó.

2.7 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp khác.

2.8 Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ.

2.9 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

2.10 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

2.11 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

2.12 Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.

2.13 Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

2.14 Kiến nghị việc sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ, khi đó HĐQT chuẩn bị nội dung sửa đổi, bổ sung trình ĐHĐCĐ.

3. HĐQT gồm 3 thành viên. Thành viên của HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.

4. HĐQT điều hành Công ty theo điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo Luật pháp.

5. Sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ thành lập, những người được bầu vào các chức danh HĐQT có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động tài sản, các hồ sơ tài liệu của công ty, HĐQT hoàn tất các thủ tục còn lại.

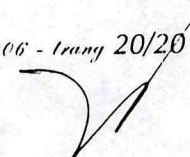
Điều 33: Điều kiện tham gia thành viên Hội đồng quản trị.

1. Người được đề cử làm thành viên HĐQT phải có đủ các điều kiện sau:

a. Được cổ đông sở hữu hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng đề cử. Trường hợp



Ngày 3/1/2006 - trang 20/20



cổ đông là pháp nhân đề cử phải sở hữu từ 20% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng.

b. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật.

d. Trình độ văn hóa tối thiểu : Tốt nghiệp Đại học.

2. Riêng ở cuộc họp ĐHĐCĐ thành lập, Cổ đông được đề cử làm thành viên HĐQT sẽ do một hoặc các Đại biểu Cổ đông sở hữu và Đại diện sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông đề cử.

Điều 34: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. HĐQT bầu một thành viên của Hội đồng làm Chủ tịch HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của HĐQT.

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới các hình thức khác.

d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ này và sẽ bổ sung khi cần thiết.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

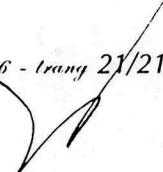
Điều 35: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội Đồng Quản Trị.

1. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

2. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ đã được phân công, không ủy quyền cho người khác.



Ngày 3/1/2006 - trang 21/21



3. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT như sau:

a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

b. Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

c. Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những hành vi của mình.

Điều 36: Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

1. Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT.

a. Mỗi ba (3) tháng phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

b. Theo đề nghị của BKS hoặc những người khác được quy định tại khoản 2 Điều 38.

2. Cuộc họp HĐQT được tiến hành từ khi có từ 2/3 thành viên trở lên tham dự. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

3. Thư mời họp và tài liệu họp phải được gửi đến các thành viên HĐQT 5 ngày trước ngày họp.

4. Các hình thức thông qua quyết định của HĐQT:

HĐQT có thể thông qua quyết định bằng cách tiến hành họp HĐQT hoặc lấy ý kiến bằng văn bản qua đường thư tín hoặc các phương tiện thông tin khác và đạt được sự chấp thuận của đa số thành viên.

5. Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, chính xác, trung thực vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

Điều 37: Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị.

Ngày 3/1/2006 - Trang 22/22

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là bốn (4) năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.

2. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi miễn và bầu bổ sung cho đủ số thành viên HĐQT theo điều lệ để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 38 : Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

1. HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi ba tháng một lần.

2. Trường hợp cần thiết HĐQT có thể họp phiên họp bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch HĐQT.
- Ít nhất 3 thành viên HĐQT.
- Trưởng ban BKS.
- Tổng Giám đốc.

Điều 39: Trường hợp khuyết thành viên Hội Đồng Quản Trị.

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, hoặc là thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT Công ty. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ xem xét và quyết định.

2. Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT, sẽ do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định bầu bổ sung. Trường hợp khuyết hai (2) thành viên HĐQT trở lên thì, không quá 60 ngày, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

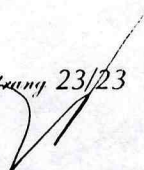
Điều 40: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và mất tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên HĐQT bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- Chết, hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở.
- Từ chức.
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.



Ngày 3/1/2006 Trang 23/23



- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo các quy định của Tòa án.
- Có những hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý làm thiệt hại đến tài sản, uy tín, danh dự của Công ty.
- Do ĐHĐCĐ bãi nhiệm.

Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên HĐQT hưởng thù lao và các quyền lợi khác do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.
2. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Mục 3: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 42: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc Công ty được chọn cần hội đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ và năng lực quản lý kinh doanh, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.
2. Không thuộc các đối tượng được quy định tại điều 9 của Luật doanh nghiệp.
3. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 43: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn Tổng Giám đốc.

1. HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc người khác làm Tổng Giám đốc. Trong những năm đầu Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Tổng Giám đốc có quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

- b. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- d. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- e. Kiến nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các quyền lợi của họ trình HĐQT quyết định.
- f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cách chức.
- g. Quyết định lương hoặc phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ Công ty và Quyết định HĐQT.

Điều 44: Ủy quyền, ủy nhiệm.

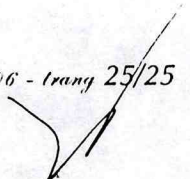
1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các bộ phận nghiệp vụ hoặc kế toán trưởng Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc khác của Công ty, chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình và phải thông báo đầy đủ cho HĐQT.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình đã làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy quyền có liên quan đến tư cách pháp lý và con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 45: Từ nhiệm và đương nhiên mất chức.

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám đốc bị mất chức trong các trường hợp sau đây:
 - Chết, mất trí, mất quyền công dân.
 - Không hoàn thành nhiệm vụ.
 - Tự ý bỏ nhiệm sở.



Ngày 3/1/2006 - trang 25/25



3. Các trường hợp này, HĐQT phải tạm thời cử người đảm nhận công việc Tổng Giám đốc.

4. Trong trường hợp tối đa 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 46: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty.

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân hay cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cho tặng người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.

3. Khi Công ty mất khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả thì HĐQT và Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

- Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.
- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho CNV của Công ty, kể cả cho người quản lý.
- Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này.
- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

Điều 47: Các hợp đồng phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận.

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên BKS, cổ đông sở hữu 10% trở lên số cổ phần có biểu quyết và với người có liên quan (Cha mẹ, vợ chồng, con cái) của họ chỉ được ký kết theo quy định sau:

a. Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.



b. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 1 điều này được ký mà chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.

Mục 4: BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Điều 48: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính.

2. BKS gồm 3 người do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn với đa số cổ phần biểu quyết, bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.

3. Các kiểm soát viên bầu một người làm trưởng BKS.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết, hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

5. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận về kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

6. Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực; hợp pháp trong quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

7. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

8. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT



Ngày 3/1/2006 Trang 27/27

thì có quyền ghi ý kiến vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này, theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc được ĐHĐCĐ ủy nhiệm từng thời kỳ.

10. Thành viên BKS hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Chi phí cho hoạt động của KSV được hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

Điều 49: Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên.

Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông (riêng trưởng BKS phải là cổ đông, có trình độ Đại học trở lên), am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của công ty, trong đó ít nhất 1 KSV phải có nghiệp vụ về Tài chính kế toán.

Những người không được làm thành viên BKS.

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người có liên quan (theo luật doanh nghiệp) của thành viên HĐQT, của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 50: Nhiệm kỳ Ban kiểm soát.

1. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ với HĐQT là bốn (4) năm. Trong trường hợp đặc biệt có thể kéo dài thêm (90) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

2. Trong nhiệm kỳ có khuyết KSV thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp bằng phiếu kín.

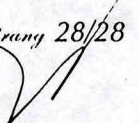
3. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 51: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách kiểm soát viên.

1. Trưởng ban muốn từ chức, KSV từ nhiệm đều phải làm đơn cho HĐQT.



Ngày 3/1/2006 - trang 28/28



2. KSV bị mất tư cách khi vi phạm một trong những trường hợp như đối với thành viên HĐQT quy định ở điều 40 của Điều lệ này.

3. Trường hợp khuyết chức danh trưởng ban kiểm soát thì số KSV còn lại bầu người thay thế.

4. Trường hợp khuyết KSV có nghiệp vụ tài chính kế toán, HĐQT tạm thời phải cử người thay thế cho đến khi triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung.

CHƯƠNG V: CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.

Điều 52: Chế độ và quyền lợi của người lao động.

1. Nguyên tắc kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước.

1.1) Doanh nghiệp cổ phần có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động tại thời điểm quyết định cổ phần hoá và giải quyết chế độ theo quy định hiện hành.

1.2) Công ty cổ phần có trách nhiệm thừa kế mọi nghĩa vụ, quyền lợi đối với người lao động từ Công ty Nhà nước chuyển sang, có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động theo quy định hiện hành.

2. Chế độ tuyển dụng: Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền với người lao động, phù hợp với quy định của Pháp luật.

3. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty.

- Người lao động đang làm việc cho DNNN theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty Cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

- Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như BHXH, BHYT và các chế độ khác theo Pháp luật được Công ty tiếp tục thực hiện.

CHƯƠNG VI : HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 53: Hạch toán kế toán.



Ngày 3/11/2006 Trang 29/29

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 mỗi năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng luật kế toán thống kê hiện hành.

3. Cuối mỗi niên khóa, HĐQT xem xét, thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ:

- Bảng cân đối kế toán của Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, BKS ít nhất trước 15 ngày của kỳ ĐHĐCĐ thường niên.

4. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 54: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

1. Lợi nhuận của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí, các khoản thuế và các chi phí khác mang tính chất nộp NSNN theo Pháp luật hiện hành.

2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, phải trích lập các quỹ:

a. Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn và để dự trữ tài chính năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.

b. Các quỹ khác do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định:

- Quỹ đầu tư phát triển.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Các quỹ khác.

3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

4. Trả cổ tức:

a. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Ngày 3/1/2006 - Trang 30/30

b. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến Cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

c. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

d. Khi Công ty niêm yết cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán thì các thời hiệu xác định quyền lợi về cổ tức được căn cứ theo các quy định về giao dịch, lưu ký và thanh toán bù trừ của Thị trường chứng khoán(TTCK).

Điều 55: Xử lý kinh doanh thua lỗ.

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời TGD, HĐQT, ĐHĐCĐ tùy theo thẩm quyền phải áp dụng, quyết định các biện pháp khắc phục.

CHƯƠNG VII : GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 56: Giải thể Công ty.

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Trường hợp Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.

b. Khi có lý do chính đáng, HĐQT có quyền đề nghị ĐHĐCĐ bất thường quyết định giải thể Công ty.

c. Quyết định của Tòa án và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

d. Không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu (3 cổ đông) theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- e. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Quyết định của ĐHĐCĐ về giải thể Công ty bao gồm các nội dung sau:
 - a. Tên, trụ sở Công ty.
 - b. Lý do giải thể.
 - c. Thời hạn thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ (không quá 6 tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể).
 - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
 - e. Thành lập tổ thanh lý tài sản.
 - f. Chữ ký của Tổng Giám đốc- người đại diện Pháp luật của Công ty.
3. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày thông qua, Quyết định giải thể phải gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh và các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty. Quyết định phải niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung ương trong 03 số liên tiếp.
4. Quyết định giải thể phải được gửi chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ, số nợ, thời gian, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
5. Trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận.

Điều 57: Thanh lý.

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHĐCĐ lập hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng KSV làm nhiệm vụ thanh lý tài sản Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày thanh toán hết số nợ của Công ty, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể Công ty cho cơ quan đăng ký doanh nghiệp để xóa tên trong danh sách.
3. Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.

Điều 58: Tổ tụng, tranh chấp, phá sản Công ty Cổ phần.

1. Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước Pháp luật và được ủy quyền của Công ty trong mọi giai đoạn tranh chấp, tố tụng.

2. Mọi khiếu nại liên quan đến cổ phần công ty đều do HĐQT giải quyết, Nếu HĐQT giải quyết không thỏa đáng thì người tố tụng có quyền yêu cầu Tòa án can thiệp.

3. Công ty thực hiện việc phá sản theo quy định của Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.

Điều 59: Thông báo, thông tin.

1. Ngoại trừ được quy định riêng, mọi thông báo hoặc tài liệu được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày bằng đường bưu điện tính theo dấu bưu điện, hoặc ít nhất bốn (04) ngày nếu gửi trực tiếp.

2. Các thông tin thực hiện trong nội bộ các cơ cấu thuộc Công ty theo Điều lệ này được thực hiện trong vòng một tuần lễ.

3. Các thông tin, thông báo hoặc công khai, bố cáo theo yêu cầu của Pháp luật sẽ được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng ba (3) ngày liên tục.

Điều 60: Sửa đổi , bổ sung Bản Điều lệ.

Việc sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ sẽ do HĐQT chuẩn bị và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua với tỷ lệ ít nhất 65% số cổ phần. Các nội dung sửa đổi, bổ sung có thể thực hiện bằng các phụ lục là phần không thể tách rời của Bản điều lệ này.

Điều 61: Điều khoản thi hành.

Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sài Gòn được chính thức hoạt động khi ĐHĐCĐ thành lập đã làm các thủ tục sau đây:

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước.

- Đã bầu HĐQT và BKS và cử Tổng Giám đốc điều hành.

- ĐHĐCĐ đã thảo luận và tán thành toàn bộ các điều khoản trong bản điều lệ.
- Đã giao quyền quản trị Công ty Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh cho HĐQT Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sài Gòn.
- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành.

Điều 62: Con dấu.

- Con dấu của Công ty và của các đơn vị trực thuộc được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Sở kế hoạch đầu tư và Ngân hàng.
- HĐQT giao Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định Pháp luật hiện hành.

Điều 63: Đăng ký điều lệ.

Bản điều lệ này gồm 08 chương, 63 điều, đã được ĐHĐCĐ thành lập thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 23 tháng 02 năm 2006.

Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước TP.HCM.
- 01 bản gửi tại Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM.
- Còn lại lưu giữ tại Văn phòng Công ty 8 bản.

Các bản trích hay bản sao Bản Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2006

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN

1. Nguyễn Thành Hiệp

2. Trần Đức Huy

3. Nguyễn Hồng Lương



Ngày 3/1/2006 - trang 34/34